

Số: 42/TB - THPTXTB

Nam Định, ngày 12 tháng 05 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2022-2023

Trường THPT Xuân Trường B thông báo về việc công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm 2022-2023 như sau:

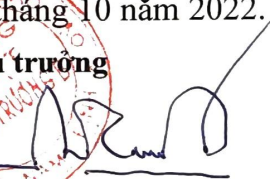
Thực hiện theo Điều 5 - Công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt và Điều 8 – hình thức công khai; Trường THPT Xuân Trường B đã tiến hành công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT bằng ba hình thức đó là:

- + Công khai trên website của trường;
- + Dán niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường;
- + Công khai trong buổi họp phụ huynh học sinh đầu năm học.
- Thời gian công khai có 2 đợt:
 - + Đợt 1 từ ngày 12 tháng 5 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022;
 - + Đợt 2 từ ngày 01 tháng 9 năm 2022 đến ngày 01 tháng 10 năm 2022.

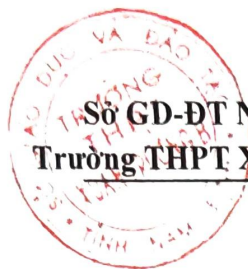
Nơi nhận:

- BGH, GVCN (Để báo cáo);
- Website của trường;
- Dán bảng tin;
- Lưu VP.

Hiệu trưởng



Vũ Văn Cường



Sở GD-ĐT Nam Định
Trường THPT Xuân Trường B

Biểu mẫu 09

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh THPT hiện hành và hướng dẫn tuyển sinh đầu cấp hàng năm của Sở GD&ĐT ND		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép, văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động GD NGLL; GDHN; các hội thi, cuộc thi; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Về học lực: Giỏi trên 20%; Khá: trên 70%; Yếu, kém không quá 2%. - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Yếu dưới 2%. xếp loại Khá, tốt trên 95%. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỷ lệ học sinh lên lớp trên 99%	Tỷ lệ học sinh lên	- 100% HS đủ điều kiện dự thi THPT QG

			lớp trên 99%	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT 100%. - Học sinh có đủ điều kiện cơ bản để theo học các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.
--	--	--	-----------------	---

Xuân Trường, ngày 12 tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Vũ Văn Cường



Sở GD-ĐT Nam Định
Trường THPT Xuân Trường B

Biểu mẫu 11

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	36	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	9	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41,3	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	19980	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	15313	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1800	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	612	0,41
3	Diện tích thư viện (m ²)	37	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	612	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	47	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	3	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1	0,028
1.1	Khối lớp 10	1	0,083
1.2	Khối lớp 11	1	0,083

1.3	Khối lớp 12	1	0,083
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	0.21
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	0,11
2	Cát xét	16	0,44
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0,06
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	0,06
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	0,11
2	Cát xét	16	0,44
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0,06
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	0,06
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

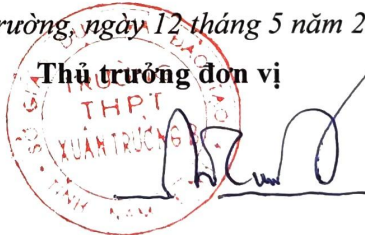
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	11		20		0,15
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Xuân Trường, ngày 12 tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Văn Cường

